

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/DS-ST

Ngày: 19-8-2022

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HN, TỈNH ĐỒNG THÁP

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Bùi Tấn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Vào ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp quyền sử dụng đất, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Văn H, sinh năm 1950;

1.2. Ông Võ Văn D, sinh năm 1951;

1.3. Ông Võ Văn N, sinh năm 1960;

1.4. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1965;

1.5. Bà Võ Thị L, sinh năm 1967;

1.6. Bà Võ Thị Q, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông D, ông N, ông Đ, bà L, bà Q: Ông Võ Văn H, sinh năm 1950. Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T,

huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 01/4/2019). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1937;

3.2. Bà Lê Thị T, sinh năm 1966. Có mặt;

Cùng địa chỉ: Khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991. Vắng mặt;

Địa chỉ: ấp 3, xã T P 2, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3.4. Anh Nguyễn Văn Như, sinh năm 1996. Vắng mặt;

3.5. Anh Nguyễn Văn Quỳnh, sinh năm 2001. Vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà K, chị Đ, anh Như, anh Quỳnh: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. (Các văn bản ủy quyền ngày 29/7/2019; ngày 06/8/2019). Có mặt;

3.6. Bà Phan Thị B, sinh năm 1951. Có mặt;

3.7. Chị Võ Thị U, sinh năm 1989. Có mặt;

3.8. Anh Võ Văn T, sinh năm 1991. Có mặt;

Cùng địa chỉ: Khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Anh Võ Văn Đ, sinh năm 1979;

3.10. Anh Võ Văn T, sinh năm 1985;

3.11. Anh Võ Văn D, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đ, anh T, anh D: Ông Võ Văn H, sinh năm 1950. Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy Q của người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan (Các văn bản ủy Q ngày 31/01/2020; 12/02/2020). Có mặt.

4. *Người làm chứng:*

4.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1920. Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt;

4.2. Ông Lâm Văn H, sinh năm 1947. Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt;

4.3. Ông Lê Văn K, sinh năm 1925. Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt;

4.4. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1941. Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt;

4.5. Ông Hồ Văn D, sinh năm 1962. Địa chỉ: Địa chỉ: khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 02 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn H đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông Võ Văn D, ông Võ Văn N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Q trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn M (tự H M, đã chết). Vào năm 1946, ông M cho cha, mẹ ông là ông Võ Văn D và bà Đào Thị C diện tích ngang 15m x dài từ mé sông vô đến giáp đất ông Lý Hồng C, không biết chính xác chiều dài. Ông sinh sống cùng cha và quản lý diện tích đất trên từ khi cha mẹ ông chết cho đến nay. Trên phần đất có 06 anh em ông ở, chưa chia cụ thể, mỗi người ở một phần. Phía bắc giáp với ông Nguyễn Văn C, giữa đất ông C với đất anh em ông có cắm ranh bằng trụ đá. Sau này, ông C chia lại cho chị dâu ông là bà Nguyễn Thị C một phần phía ngoài lộ làng là đất cặp ranh ông ở hiện nay và ông có trồng cây táo đã hơn 35 năm. Không biết sau này bà C cho hay bán lại cho ông Nguyễn Văn T sử dụng phần đất trên. Phần đất tranh chấp giữa ông và ông T chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình sử dụng đất, ông T cất nhà lấn qua phần đất của ông, một cạnh ngang phía trước tiếp giáp lộ làng 0,8m, cạnh ngang phía sau tiếp giáp hàng rào nhà ông là 0,3m, chiều dài 14m. Khi ông T cất nhà vào năm 2017 thì ông không có ở nhà và ông không có chỉ ranh cho vợ chồng ông T.

Nay ông H đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông D, ông N, ông Đ, bà L, bà Q yêu cầu ông Nguyễn Văn T D dời các vật kiến trúc có liên quan trên đất trả lại một cạnh ngang phía trước tiếp giáp lộ làng là 0,8m, cạnh ngang phía sau tiếp giáp hàng rào nhà ông Võ Văn H là 0,3m, dài 14 m (tổng Diện tích 7,5 m²) và yêu cầu ông Nguyễn Văn T D dời các vật kiến trúc có liên quan trên đất trả thêm diện tích 31,1 m², tổng diện tích 38,6 m² tại thửa số 289, 290, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại khóm T1, thị trấn Thường Thới T huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Về nguồn gốc đất là của ông Phan Văn M (tự H M, đã chết) quản lý, sử dụng. Đến năm 1946, gia đình ông M chuyển về Long T, huyện HN sinh sống, tạm giao lại cho ông hai K quản lý. Đến năm 1958, ông K chuyển đến xã Long S sinh sống. Ông M tiếp tục cho ông Lâm

Văn D thuê ngang 80m. Việc cho thuê không có đo đạc cụ thể, không có giấy tờ gì. Ông Lâm Văn D cho ông Nguyễn Văn D (cha chồng bà C) thuê lại ngang 15m, bà C hiện đang ở và quản lý phần đất này. Ông Võ Văn D (cha ông H) thuê ngang 15m, phần đất này hiện nay ông H và các anh em đang sử dụng. Ông Đào Văn M thuê ngang 15m, còn lại ngang 35m ông D canh tác. Việc cho thuê lại không có giấy tờ gì, không có đo đạc giao đất cụ thể. Phần đất ông D thuê sau khi ông D chết để lại cho ông H và các anh em quản lý từ năm 1975 đến nay. Hiện nay phần đất này có nhiều hộ ở không thể hiện ranh đất với nhau. Phần đất ông Nguyễn Văn D thuê, sau khi ông D chết để lại cho con là Nguyễn Văn T (Y) là chồng bà C, ông T chết để lại cho bà C quản lý từ năm 1975.

Về phần căn nhà: Vào năm 1968, cha ông tên Nguyễn Văn T có hỏi xin phần đất bà C để cất căn nhà bằng tre lợp lá. Được bà C chấp nhận cho phần đất và có chỉ vị trí cho cất nhà trên phần đất của bà C. Đến ngày 05/4/2009, cha ông bệnh chết thì ông tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà và thờ cúng ông bà, cha mẹ. Khoảng năm 2012 -2013, ông Tê thợ cuốn sân nền nhà có gia đình ông H chỉ ranh. Đến ngày 02/7/2017, ông tháo dỡ căn nhà tre lá này để xây dựng nhà kiên cố vách tường, lợp tol, một lầu. Phần đất này gia đình ông quản lý sử dụng lâu dài tính đến nay trên 51 năm.

Nay ông H đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của ông D, ông N, ông Đ, bà L, bà Q yêu cầu ông D đòi các vật kiến trúc có liên quan trên đất trả lại một cạnh ngang phía trước giáp lộ làng là 0,8m, cạnh ngang phía sau tiếp giáp nhà ông H 0,3m x dài 14m tổng Diện tích $7,5m^2$ và yêu cầu ông D đòi các vật kiến trúc có liên quan trên đất trả thêm Diện tích $31,1 m^2$, tổng diện tích $38,6 m^2$ thuộc một phần thửa số 289, 290, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại khóm T1, thị trấn Thường Thới T huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, ông không chấp nhận. Lý do, phần đất này ông đã sử dụng ổn định lâu dài trên 51 năm. Căn cứ vào quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 11/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện HN về việc hòa giải thành thì phần đất của ông D (cha ông H) có chiều ngang 15m, phần đất này các anh em ông H đang sử dụng.

Trước đây nhà cũ của ông cặp ranh nhà ông Võ Văn H, phần diện tích $3,3m^2$ theo đo đạc thực tế khoảng cách giữa nhà ông với nhà ông Võ Văn H, ông không yêu cầu gì đối với phần diện tích này, vì phần diện tích này của ông sử dụng từ trước đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Bé, chị Võ Thị Út, anh Võ Văn Tiếng trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Võ Văn H, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn N trình bày: Thống nhất theo lời trình bày của ông Nguyễn Văn T, không bổ sung gì thêm.

Người làm chứng Hồ Văn D trình bày: Vào khoảng năm 2012 – 2013, ông có xây cuốn nền nhà cho ông Nguyễn Văn T. Khi ông xây cuốn nền nhà cho ông T thì có người nhà của ông H qua chỉ ranh, hai bên thỏa Tận dời ranh lên

khoảng 0,2m nên thợ tiến hành dời và xây cuốn nền nhà. Ông T thuê xây cuốn nền trước, vài năm sau ông T mới có Điều kiện xây nhà. Ông chỉ lãnh xây phần nền móng nhà, còn phần nhà thì ông T thuê người khác xây. Nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông T với ông H như thế nào thì ông không biết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà có họ hàng bên ngoại với ông Võ Văn H và ông Nguyễn Văn T. Nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông H với ông T trước đây là của ông H M cho ông hai K Tê. Sau đó ông hai K trả cho ông H M, ông H M giao lại cho ông Lâm Văn D mượn vào năm 1958. Ông Lâm Văn D lấy chia theo thứ tự từ phía trên xuống như sau: thứ nhất chia cho Nguyễn Văn D là ba chồng bà chiều ngang 15m, chiều dài tới mé sông Cừ Long, thứ hai chia cho ông Võ Văn D (đã chết) là cha ông H, ông N, ông Đ, ông D, bà L, bà Q, chiều ngang 15m, chiều dài tới mé sông Cừ Long, thứ ba là của ông Lâm Văn D (đã chết) chiều ngang 35m, chiều dài tới mé sông Cừ Long, thứ tư chia ông Đào Văn M (đã chết) chiều ngang 15m, chiều dài mé sông Cừ Long. Phần đất của ông D, các con ông D quản lý, sử dụng. Phần đất của ông M thì cháu ông M quản lý, sử dụng. Khi ông D chia đất không có đo đạc, chia đất từ trên xuống lấy mốc cặp mí đường cộ làm chuẩn. Khoảng năm 1965, cha chồng bà là ông D chết, mẹ chồng bà tên Sanh (hiện nay đã chết) chia cho hai người con là ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Văn T (Y). Cho ông C một nền nhà, không biết chiều ngang, chiều dài bao nhiêu, phần còn lại là của ông Y (chồng bà). Phần đất của ông C bán lại cho ông Tư Huế (đã chết), hiện nay con ông Tư Huế đang quản lý, sử dụng. Vào khoảng năm 1970, bà cho ông Nguyễn Văn T, Phạm Thị K là cha mẹ ông T ở nền nhà cặp đất của ông Võ Văn D, cho không biết chiều ngang, chiều dài bao nhiêu, khi cho không có đo đạc. Ông T, bà K cất nhà trên phần đất bà cho. Phần đất ông T và ông H đang tranh chấp là đất bà cho ông T, bà K. Phạm vi đất ông T ở không có lần qua phần đất của ông H. Giữa bà và ông H có tranh chấp và đã được giải quyết, hai bên thống nhất giữ y hiện trạng. Phần đất đang tranh chấp giữa ông H và ông T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người làm chứng ông Lâm Văn H trình bày: Ông là hàng xóm với ông Võ Văn H và ông Nguyễn Văn T, là con của ông Lâm Văn D. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông H M cho ông hai K Tê ở. Vào năm 1958, ông hai K về Long S, Phú T, An Giang sống, để lại phần đất cho ông Lâm Văn D. Ông D chia cho ông Nguyễn Văn D là cha chồng bà C ngang 15m, dài tới mé sông Cừ Long, ông Võ Văn D là cha của ông H, ông N, ông Đ, ông D, bà L, bà Q, ngang 15m, dài tới mé sông Cừ Long, ông Đào Văn M ngang 15m, dài tới mé sông Cừ Long, phần đất ông M hiện nay con cháu ông M đang quản lý. Phần còn lại ngang khoảng 35m, ông Lâm Văn D quản lý. Sau khi giải phóng con cháu ông H M qua xin lại phần đất cặp mé sông thì gia đình ông M, ông D, ông D thống nhất cho lại phần đất mé sông, canh tác được vài năm, đến khi Nhà nước cất sâm canh, con cháu ông H M không còn sử dụng nữa. Phần đất ông Lâm Văn D chia cho tất cả anh em ông. Phần đất của ông D thì gia đình ông D cho ông Y (chồng bà C) và ông C ở. Do ông C ở trong đường lộ làng nên bán cho ông Tư Huế,

phần còn lại do ông Y và bà C ở. Bà C, ông Y cho cha mẹ ông T ở trên phần đất này từ trước năm 1970 cho đến nay.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T D đòi vật kiến trúc trả lại phần đất Diện tích 38,6m² (Trong đó chiều ngang giáp lộ 1,4m, chiều ngang phía sau 1,3m, chiều dài 17,83m), đất Tộc một phần thửa số 289, 290, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại khóm T1, thị trấn Thường Thới T huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, người làm chứng đã có lời khai với Tòa án; việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn Diện của vụ án, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[3] Về nội Dng tranh chấp: Xét yêu cầu của ông Võ Văn H đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông D, ông N, ông Đ, bà L, bà Q yêu cầu ông Nguyễn Văn T D đòi các vật kiến trúc có liên quan trên đất trả lại diện tích 38,6 m² tại thửa số 289, 290, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại khóm T1, thị trấn Thường Thới T huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, là chưa có căn cứ chấp nhận, vì: Nguồn gốc đất tranh chấp các bên đều thừa nhận là của địa chủ cũ, các hộ dân Tê lại để ở. Ông H không có giấy tờ gì để chứng minh ông Nguyễn Văn M cho cha, mẹ ông Diện tích ngang 15m x dài từ mé sông vô đến giáp với đất ông Lý Hồng C. Khi cho có đo đạc không ông cũng không biết. Phần đất ông T đang ở là do bà Nguyễn Thị C cho cha ông T cất nhà ở từ năm 1968. Năm 2009, cha ông T chết để lại cho ông T tiếp tục quản lý, sử dụng. Đến năm 2012, ông T cuốn nền nhà, có gia đình ông H qua chỉ ranh. Có người làm chứng là ông Hồ Văn D chứng kiến. Ông D trình bày hai bên thỏa thuận dời ranh lên khoảng 0,2m, nên thợ tiến hành dời và xây cuốn nền nhà. Sau khi xây cuốn nền thì năm 2017, ông T mới tiến hành xây nhà kiên cố ở cho đến nay. Các bên chưa được cấp giấy chứng nhận

Q sử dụng đất, gia đình ông T đã sử dụng phần đất ổn định từ năm 1975 cho đến nay. Các nguyên đơn không có gì chứng minh phía bị đơn lấn ranh đất.

[4] Mặt khác, trước đây giữa ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị C có tranh chấp quyền sử dụng đất đã được Ủy ban nhân dân huyện HN giải quyết và công nhận kết quả hòa giải thành tại biên bản hòa giải thành ngày 26/8/2015 của Phòng tài nguyên và Môi trường, các bên thống nhất giữ y hiện trạng.

[5] Tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật dân sự quy định:

“1. Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa Tận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ranh giới cũng có thể được xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại từ 30 năm trở lên mà không có tranh chấp.

Không được lấn, chiếm, thay đổi mốc giới ngăn cách, kể cả trường hợp ranh giới là kênh, mương, hào, rãnh, bờ ruộng. Mọi chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng, duy trì ranh giới chung”.

[6] Từ những phân tích trên không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn.

[7] Ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn H, ông Võ Văn D, ông Võ Văn N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Q với ông Nguyễn Văn T tại các thửa 289, 290, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối qua các mốc M3, M6, M7, M10, M13, (theo sơ đồ đo đạc số TĐ 09/2019 ngày 23/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN). Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải D dời theo quy định của pháp luật.

[8] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ nên chấp nhận.

[9] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng là 3.940.000 đồng, các nguyên đơn đã tạm ứng chi phí và đã chi xong. Do yêu cầu các nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu chi phí này theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, Đem đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 4 và 8 Điều 26, khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Ông H, ông D, ông N là người cao tuổi, có đơn xin miễn T án phí nên được miễn án phí. Ông Đ, bà L, bà Q phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004249 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành dân sự huyện HN. Trả lại cho ông Võ Văn L, bà Võ Thị Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp 389.000 đồng theo biên lai T số 0001148 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành dân sự huyện HN.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 72, 92, 144, 147, 156, 157, 158, 165, 166, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; ĐỀ DÒI KHOẢN 1 ĐIỀU 12, ĐIỀU 15, ĐIỀU 26, ĐỀ DÒI KHOẢN 2 ĐIỀU 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Võ Văn H, Võ Văn N, Võ Văn D, Võ Văn Đ, Võ Thị Q, Võ Thị L, về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn T Dời các vật kiến trúc có liên quan trên đất trả lại diện tích đất 38,6 m² tại thửa số 289, 290, tờ bản đồ số 11 đất tọa lạc tại khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ranh giới quyền sử dụng đất giữa ông Võ Văn H, ông Võ Văn D, ông Võ Văn N, ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Q với ông Nguyễn Văn T tại các thửa 289, 290, tờ bản đồ số 11, đất tọa lạc tại khóm T1, thị trấn Thường Thới T, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là đoạn thẳng nối qua các mốc M3, M6, M7, M10, M13. (Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/6/2019, 23/12/2019, sơ đồ đo đạc số TĐ 09/2019 ngày 23/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HN). Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian, tài sản của các bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng cộng là 3.940.000 đồng, các nguyên đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đã nộp chi xong.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Võ Văn H, ông Võ Văn D, ông Võ Văn N được miễn án phí.

4.2. Ông Võ Văn Đ, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Q phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000085 ngày 12/3/2019 của Chi cục thi hành dân sự huyện HN.

4.3. Trả lại cho ông Võ Văn L, bà Võ Thị Q số T tạm ứng án phí đã nộp 389.000 đồng theo biên lai thu số 0001148 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành dân sự huyện HN.

5. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/8/2022); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thì Trang

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Lam - Bùi Tấn D

Nguyễn Thị Thì Trang